TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga và bà Nguyễn Ngọc Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: Tổ C, ấp F, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ C, ấp F, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H xin vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa nguyên đơn xin vắng mặt tuy nhiên tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Hữu T tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được UBND

xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01/2009 ngày 06/5/2009.

Thời gian đầu ông, bà chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng ông, bà thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn trong vấn đề tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Tình trạng này kéo dài, bà và ông T thường xuyên tranh cãi, không tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay cả hai cũng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan tâm, chăm sóc dành cho nhau, mạnh ai nấy sống. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể nào kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hữu T.

Về con chung: 02 con chung là Trần Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 17/9/2009 và Trần Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 05/3/2014. Bà H hiện làm công nhân Công ty C tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thu nhập mỗi tháng là 11.000.000 đồng. Bà H đang ở nhà mẹ ruột tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Bà H đủ mọi điều kiện nuôi dưỡng con nên khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H đồng ý nộp toàn bộ án phí về việc ly hôn.

- Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay bị đơn ông Trần Hữu T vắng mặt không có ý kiến trình bày.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nên việc Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc được ly hôn với ông Trần Hữu T; về con chung có hai cháu Trần Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 17/9/2009 và Trần Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 05/3/2014 giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung đương

sự khai không có và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn với ông Trần Hữu T và tranh chấp về nuôi con, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là ông Trần Hữu T có nơi cư trú tại tổ C, ấp F, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần tống đạt hợp lệ "giấy triệu tập", "thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải" nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp. Do ông T đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành hòa giải được. Đồng thời, tiếp tục tống đạt cho ông T bằng thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng gồm: "Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải", "Quyết định đưa vụ án ra xét xử", "Quyết định hoãn phiên tòa", " Giấy triệu tập" theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Về phía bà H đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Bà H, ông T tự nguyện chung sống với nhau được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà H, ông T là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Như đã phân tích mục 1.3 nêu trên, ông T không lên Tòa án tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

2.3. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải mục đích để bà H, ông T trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh

phúc gia đình, nhưng bà H vẫn kiên quyết ly hôn, vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H, ông T hiện nay đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay vợ chồng ông, bà không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức phiên họp, hòa giải để đoàn tụ nhưng ông T không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải với bà H, qua đó thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ với bà H. Xét thấy bà H, ông T không có sự yêu thương, tôn trọng; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

2.4. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 17/9/2009 và Trần Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 05/3/2014. Hiện hai cháu T1, T2 đang sống chung với bà H, bà H có nguyện vọng nuôi hai cháu. Xét thấy hai cháu T1, cháu T2 đều có nguyện vọng sống chung với bà H, bà H cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con và hiện nay bà H có nơi ở ổn định, có công việc tại Công ty TNHH C thu nhập hàng tháng là 11.000.000 đồng, bà H đảm bảo đủ mọi điều kiện nuôi hai cháu T1, cháu T2 nên bà H yêu cầu nuôi dưỡng hai con. Đồng thời Tòa án thông báo yêu cầu nuôi hai cháu T1, cháu T2 cho ông T nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo hoàn cảnh sinh sống, điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu T1, cháu T2. Hội đồng xét xử giao cháu T1, cháu T2 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.5. Về nợ chung và tài sản chung: Bà H khai không có nợ chung, không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của bà H, ông T trong vụ án này.

[3]. Về án phí ly hôn: Bà H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp.

[4]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H đối với bị đơn ông Trần Hữu T về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Trần Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 17/9/2009 và cháu Trần Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 05/3/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0025125 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Tâm